

Số: 33/BC - UBND

*Quảng Phước, ngày 04 tháng 6 năm 2021*

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021**

Thực hiện Công văn số 257/UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc hướng dẫn xây dựng báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021; Kế hoạch cải cách hành chính xã năm 2021. Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021, cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Về tình hình thực hiện**

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 30/12/2020 về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021.

Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo của Ban thường vụ Đảng ủy, sự hướng dẫn giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện. UBND xã chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính theo từng nội dung một. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn mở sổ sách theo dõi quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tiến hành giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; sử dụng đầy đủ các loại phiếu, biểu mẫu theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

##### **2. Về kiểm tra cải cách hành chính**

Trên cơ sở của Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính của UBND huyện năm 2021; Kế hoạch cải cách hành chính UBND xã năm 2021, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 18/01/2021 về việc kiểm tra công vụ, kỷ luật kỷ cương hành chính năm 2021; Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18/01/2021 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2021.

### **3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11/01/2021 của UBND xã về việc tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã năm 2021. Thường xuyên chỉ đạo Bộ phận Văn hóa - Thông tin phối hợp với các bộ phận liên quan tuyên truyền phổ biến bằng nhiều hình thức như băng rôn, khẩu hiệu và trên hệ thống Đài truyền thanh; Bộ phận Văn phòng - Thống kê kịp thời đăng tải, cập nhật các quy định, thủ tục hành chính mới ban hành trên Trang Thông tin điện tử xã; chỉ đạo Bộ phận Tư pháp, Công an xã lồng ghép việc tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước có liên quan về đổi mới hệ thống chính trị, cải cách lập pháp, cải cách tư pháp.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

- Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành đều được soạn thảo theo quy định của Luật và dưới hình thức dự thảo rồi chuyển cho Bộ phận Tư pháp - Hộ tịch xã kiểm tra, rà soát và chuyển lên Phòng Tư pháp huyện thẩm định, góp ý. Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đều được xem xét về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng và phạm vi điều chỉnh của văn bản; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Từ ngày 05/12/2020 đến ngày 04/6/2021, UBND và HĐND xã đã ban hành 01 văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành VBQPPL.

- Đồng thời, UBND xã đã chỉ đạo thường xuyên đổi mới công tác tự kiểm tra và rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo áp dụng thống nhất và đồng bộ các văn bản pháp luật của cấp trên tại địa phương; tiến hành tự kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính**

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH - UBND ngày 19 /01/2021 của UBND huyện Quảng Điền về việc kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 20/01/2021 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Đồng thời, ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 20/01/2021 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021.

- Duy trì hoạt động hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN 9001: 2015 đối với hoạt động quản lý nhà nước tại UBND xã. Đồng thời, đã nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày

31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC và rà soát, cập nhật các TTHC niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Trang thông tin điện tử xã để thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân đến giao dịch công việc; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc.

- Thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC: đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận tại trụ sở cơ quan để xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Trong 6 tháng đầu năm, đã tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã với tổng số 1.077 hồ sơ thủ tục hành chính các loại, trong đó lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội 56 hồ sơ, lĩnh vực Địa chính - Xây dựng 36 hồ sơ, lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch 192 hồ sơ, lĩnh vực Chứng thực 789 hồ sơ, lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng 04 hồ sơ. Đa số các hồ sơ được giải quyết đúng hạn theo quy định. *(phụ lục thống kê số liệu cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021).*

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Công văn 7190/UBND-NV ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của HĐND tỉnh.

UBND xã đã đề xuất với UBND huyện sắp xếp, bố trí 11 chức danh người hoạt động không chuyên trách xã đảm bảo theo quy định.

### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

- Công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và người lao động thường xuyên được quan tâm, việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức đảm bảo đúng quy trình và dân chủ.

- Công tác đánh giá cán bộ, công chức đã được UBND xã thực hiện định kỳ hàng quý theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, qua đánh giá tất cả cán bộ, công chức đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Đã hoàn thành việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức quý I.

- UBND xã đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã theo Quyết định số 24/2017/QĐ - UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý sử dụng biên chế và kinh phí quản lý nhà nước, minh bạch về tài chính tại cơ quan từng bước được nâng cao góp phần hạn chế các vi phạm về chế độ quản lý tài chính và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo Bộ phận Tài chính - Kế toán tham mưu UBND xã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hợp lý và thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở.

### **6. Hiện đại hóa nền hành chính**

#### **a) Ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước**

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 5/01/2021 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính nhà nước xã Quảng Phước năm 2021.

- Rà soát đăng ký nhu cầu sử dụng trang thiết bị do UBND huyện cấp để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, đảm bảo 100% cán bộ, công chức được trang cấp máy tính và kết nối hệ thống mạng LAN, mạng diện rộng CPNet.

- Đẩy mạnh sử dụng Trang thông tin điện tử và áp dụng các phần mềm dùng chung gồm: phần mềm một cửa điện tử, phần mềm trang thông tin điều hành tác nghiệp đa cấp, phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, mail công vụ ... và một số phần mềm chuyên ngành khác vào trong công tác chỉ đạo điều hành, nghiệp vụ và phục vụ nhu cầu giao dịch của người dân, tổ chức về các thủ tục hành chính.

#### **b) Tình hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 trong hoạt động của cơ quan**

UBND xã đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 về việc Ban hành mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban Nhân dân xã; Quyết định số 05/QĐ- UBND ngày 18/01/2021 về việc Ban hành chính sách chất lượng năm 2021; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 18/01/2021 về Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại UBND xã năm 2021; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2021 về triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2021 của UBND xã; kế hoạch số 12/ KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND xã về đánh giá Nội bộ năm 2021. Đồng thời, UBND xã đã thường xuyên chỉ đạo các bộ phận tiến hành rà soát, xây dựng quy trình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Được sự quan tâm giúp đỡ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện; sự lãnh chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy nên việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính được thuận lợi.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng được nâng lên, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác; chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong hoạt động công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên đáng kể, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị như máy tính, máy scan, máy đọc mã vạch, máy photocopy, máy tra cứu thông tin...tạo điều kiện trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được thuận lợi và chuyên nghiệp. Trong thời gian vừa qua việc giải quyết các hồ sơ cho tổ chức, công dân cơ bản đảm bảo đúng quy trình và thời gian quy định; đã thực hiện khá tốt việc lập sổ sách cũng như lập phiếu hẹn, phiếu chuyển hồ sơ để theo dõi tình hình tiếp nhận và trả kết quả cho tổ chức và công dân.

#### **2. Những hạn chế, khó khăn**

- Các văn bản quy định về các lĩnh vực thủ tục hành chính thường xuyên sửa đổi, bổ sung và thay đổi; các lĩnh vực liên thông liên quan đến nhiều ngành cấp huyện nên thời gian trả hồ sơ còn chậm dẫn đến hồ sơ quá hạn.

- Một số cán bộ, công chức vẫn chưa thường xuyên sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh như: email công vụ, quản lý văn bản và điều hành trong thực thi công vụ; công chức phụ trách công nghệ thông tin là kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

- Tỷ lệ hồ sơ được số hóa còn thấp hơn so với thực tế đã tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ do một số chức danh của bộ phận chuyên môn còn thiếu.

### **IV. NHIỆM VỤ CCHC TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021**

Tiếp tục thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên về nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm 2021, Ủy ban nhân dân xã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới cụ thể, như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tiếp tục thực hiện tốt hoạt động của “Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại”, tạo sự hài lòng đối với tổ chức, công dân khi đến giao dịch giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động tại UBND xã.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự thay đổi trong nhận thức đối với cán bộ, công chức, người lao động và Nhân dân đối với công tác cải cách hành chính.

5. Thực hiện tốt quy trình xây dựng văn bản và rà soát văn bản quy phạm pháp luật hàng năm.

6. Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức.

7. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương; nâng cao chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin, chỉ số cải cách hành chính.

8. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án văn hóa công vụ và các quyết định, chỉ thị quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính của cấp trên; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Quảng Điền tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Quảng Điền.

## **V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT**

1. Đề nghị cấp trên quan tâm bố trí, tuyển dụng thêm các chức danh công chức chuyên môn còn thiếu đối với UBND xã.

*Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu và một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính trong 6 tháng cuối 2021 của UBND xã Quảng Phước ./.*

### **Nơi nhận:**

- Phòng Nội vụ huyện;
  - Ban Thường vụ Đảng ủy;
  - Thường trực HĐND xã;
  - Ban thường trực UBMTTQVN xã
  - Chủ tịch, PCT.UBND xã;
  - Các ban ngành, đoàn thể xã;
  - Bộ phận một cửa hiện đại xã;
  - Lưu VT.
- } (Đề b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Thị Châu**

**Phụ lục**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 TẠI UBND XÃ QUẢNG PHƯỚC**  
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 33/BC-UBND ngày 04 /6 /2021 của UBND xã)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
1.1.	Kế hoạch CCHC		01	Các nhiệm vụ giao trong Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	07	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	05	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	01	
1.2.	Kiểm tra CCHC	Văn bản	01	
1.1.1.	Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC	Cơ quan, đơn vị	01	
1.1.2.	Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã	Cơ quan, đơn vị	01	Áp dụng đối với cấp xã
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			Trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh hoặc các ý kiến chỉ đạo giao cho UBND huyện thực hiện, trên cơ sở đó UBND huyện giao lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm tổng hợp khi báo cáo
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Phiếu	152	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.6.	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức		0	
1.6.1	Số PAKN đã giải quyết	Số PAKN		
1.6.2	Số PAKN chưa giải quyết			
1.7	Kế hoạch tuyên truyền CCHC		01	
1.7.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	10	
1.7.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.7.3	Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện	Hình thức		Tuyên truyền trên trang trên trang thông tin điện tử xã, các ban ngành, đoàn thể xã
<b>2.</b>	<b>Cải cách thể chế</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	01	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	01	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	01	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.6.	Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL	Văn bản	01	Áp dụng đối với cấp xã
2.7.	Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL ( <i>Thu thập thông</i>	Văn bản		Áp dụng đối với cấp xã

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL)</i>			
<b>3.</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
3.1.	Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ		Quý I	
3.1.1	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử			
3.1.2	Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở			
3.1.3	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Trang TTĐT của UBND cấp xã			Áp dụng đối với cấp xã
3.2.	Thống kê TTHC			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.2.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1	
3.2.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.2.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	166	Giải quyết tại một cửa xã

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				152 thủ tục, liên thông 14 thủ tục
3.3.	Vận hành Cổng dịch vụ công			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.3.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý
3.4.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	152	
3.4.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	14	
3.4.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.4.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.5.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.5.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.5.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	243	
3.5.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	
3.5.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.6.	Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC			
3.6.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.6.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	152/218 hồ sơ	
3.6.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục		
3.6.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.6.4.	Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết	Thủ tục		
3.6.5.	Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra)	Hồ sơ	244	Hồ sơ thuộc lĩnh vực Lao động thương binh và xã hội, lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch, lĩnh vực Địa chính - Xây dựng
<b>4.</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	00	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5.</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6.</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
<b>7.</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	Đơn vị	19	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử ( <i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i> ).	%	90	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	70	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%		